TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2020
Về việc: "Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tân

Ông Điểu Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 235/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 24/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HPT ngày 20/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trương Quang N, sinh năm 1984. Trú tại tổ dân phố 7A, phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. "Vắng mặt, xin giải quyết vắng mặt"

Bị đơn: Chị Võ Thị Thanh H, sinh năm 1988. Trú tại: Tổ 3, ấp Ấn Lợi, xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. "Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn anh Trương Quang N trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Quang N và chị Võ Thị Thanh H tự nguyện yêu nhau và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản vào năm 2012. Giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn với chị Võ Thị Thanh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trương Quỳnh Nh, sinh năm 2011. Khi ly hôn giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh N cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì ở xa nên anh N yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị Võ Thị Thanh H không đến tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với các yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản không có ý kiến gì thêm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ ý kiến của các bên và mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho anh N được ly hôn với chị H. Về con chung giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chấp nhận mức tự nguyện cấp dưỡng mà anh N đưa ra là 2.000.000đ/ tháng. Về tài sản chung, nợ chung đương sự trình bày không yêu cầu tòa án giải quyết và không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Nguyên đơn anh Trương Quang N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nhưng đã có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn chị Võ Thị Thanh H có nơi cư trú tại tổ 3, ấp Ấn Lợi, xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp, phiên tòa nhưng chị H vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn cung cấp, chứng cứ Tòa án thu thập được để giải quyết vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Trương Quang N và chị Võ Thị Thanh H là hôn nhân hợp pháp, các đương sự có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước vào năm 2012. Anh N cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến nay không muốn tiếp tục chung sống và duy trì quan hệ hôn nhân với chị H vì cảm thấy hôn nhân không đạt được mục đích chung sống hạnh phúc. Mặc dù chị H không đưa ra ý kiến xác nhận hay bác bỏ lời trình bày của anh N nhưng trên cơ sở lời trình bày của bà Hà Thị Thanh Thúy là mẹ ruột của chị H thì xác định được giữa anh N và chị H trong quá trình sống chung có xảy ra mâu thuẫn và anh N đã bỏ về quê sống từ năm 2016 đến nay. Như vậy, việc anh N đã xác định tình cảm vợ chồng không còn, không muốn tiếp tục chung sống và duy trì quan hệ hôn nhân với chị Võ Thị Thanh H

là có cơ sở. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên cần chấp nhận yêu cầu của anh Trương Quang N về việc xin ly hôn với chị Võ Thị Thanh H.

Về con chung: Anh N trình bày vợ chồng có 01 con chung là Trương Quỳnh Nh, sinh năm 2011. Khi ly hôn giao cháu Như cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Mặc dù chị H không trình bày ý kiến về con chung nhưng Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến anh N về việc giao con chung Trương Quỳnh Nh cho chị Võ Thị Thanh H nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với nguyện vọng của cháu Như, phù hợp với lời khai của bà Thúy là mẹ ruột của chị H về việc hiện nay chị H và cháu Như đang sống tại nhà của bà Thúy tại ấp Ấn Lợi, xã Tân Lợi. Do đó, cần chấp nhận ý kiến của anh N về việc tiếp tục giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Như sau khi chị H, anh N ly hôn. Việc anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ là phù hợp với nhu cầu thiết yếu của cháu Như nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xem xét.

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử chưa xem xét.

Về án phí: Anh Trương Quang N chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước về nội dung vụ án, việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự, Hội đồng xét xử là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 01 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Quang N về việc ly hôn. Anh Trương Quang N được ly hôn với chị Võ Thị Thanh H.

(Đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 14/01/2012 của Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước).

2. Về con chung: Giao con chung Trương Quỳnh Nh, sinh ngày 09/6/2011 cho chị Võ Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trương Quang N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi mình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án chưa xem xét.

5. Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không Tòa án chưa xem xét.

6. Về án phí: Anh Trương Quang N chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001993 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

7. Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND T. Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- UBND xã Tân Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Khương